

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/ 5 /2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hạnh
2. Ông Phạm Văn Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 19/4/2022 giữa các đự sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H Ứ Niê, sinh năm 1983, tên gọi khác: Mí P L – *Có mặt*

Trú tại: Buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Y T Êban, sinh năm 1981 – *Vắng mặt*

Trú tại: Buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà H Ứ Niê trình bày:

Bà và ông Y T Êban tìm hiểu được khoảng một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02/2003 không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EaDrong, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/02/2003. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau, đến vài

năm trở lại đây thì ngày càng trầm trọng, ông Y T thường hay đánh đập vợ, thường xuyên uống rượu. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa. Nguyên vọng của bà H Ư Niê yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Y T Êban.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 04 con chung: Y P Niê, sinh ngày 09/4/2004; H L Niê, sinh ngày 07/12/2005; Y Đ Niê, sinh ngày 15/7/2008; H T Niê, sinh ngày 17/9/2017 hiện nay các cháu đang ở với bà H Ư. Nguyên vọng của bà H Ư xin được nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông Y T Êban phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Y T Êban đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông Y T Êban và không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H Ư Niê. Bà H Ư Niê được ly hôn ông Y T Êban.

Về con chung: Chấp nhận nguyên vọng của bà H Ư Niê, giao con chung cháu H L, sinh ngày 07/12/2005; Y Đ Niê, sinh ngày 15/7/2008; H T Niê, sinh ngày 17/9/2017 cho bà H Ư Niê nuôi dưỡng. Đối với cháu Y P Niê, sinh ngày 09/4/2004 đã tròn 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Bà H Ư Niê yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung với ông Y T Êban nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Trong quá trình tố tụng ông Y T Êban có địa chỉ cư trú tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó,

căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Y T Êban vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H Ư Niê và ông Y T Êban tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02/2003 không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EaDrong, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/02/2003, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà H Ư và ông Y T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, ông Y T không quan tâm đến gia đình. Nếu ông Y T là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, ông Y T không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 4/2021. Như vậy, hôn nhân của bà H Ư và ông Y T lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà H Ư Niê được ly hôn ông Y T Êban.

[4] Về con chung: Bà H Ư Niê và ông Y T Êban có 04 con chung là Y P Niê, sinh ngày 09/4/2004; H L Niê, sinh ngày 07/12/2005; Y Đ Niê, sinh ngày 15/7/2008; H T Niê, sinh ngày 17/9/2017. Đối với cháu Y P Niê, sinh ngày 09/4/2004 hiện tại đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên việc cháu ở với ai là tùy cháu quyết định, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

Đối với 03 cháu H L Niê, sinh ngày 07/12/2005; cháu Y Đ Niê, sinh ngày 15/7/2008; cháu H T Niê, sinh ngày 17/9/2017. Hiện nay các cháu đang được bà H Ư chăm sóc và nuôi dưỡng. Trên cơ sở nguyện vọng của bà H Ư cũng như điều kiện nuôi con. Giao 03 cháu cho bà H Ư nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà H Ư Niê không yêu cầu ông Y T Êban phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H Ư Niê phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Ư Niê

Về quan hệ hôn nhân: Bà H Ư Niê được ly hôn ông Y T Êban

Về con chung: Giao cháu H L Niê, sinh ngày 07/12/2005; cháu Y Đ Niê, sinh ngày 15/7/2008; cháu H T Niê, sinh ngày 17/9/2017 cho bà H Ư Niê được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà H Ư Niê phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H Ư Niê đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0007863 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- UBND xã EaDrong;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu